

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- Nhằm thực hiện công tác phun thuốc phòng chống dịch bệnh và diệt chuột tại các khu vực trong khuôn viên NMNĐ Vĩnh Tân 2 và Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần đã lập Hồ sơ mời thầu – Gói thầu: “Cung cấp dịch vụ phun thuốc phòng chống dịch bệnh và diệt chuột” để lựa chọn nhà thầu thực hiện công việc nêu trên.

- Phạm vi cung cấp gói thầu: Thực hiện công tác phun thuốc phòng chống dịch bệnh và diệt chuột tại các khu vực trong khuôn viên NMNĐ Vĩnh Tân 2 và Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 13 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Trong đó, thời gian thực hiện dịch vụ trong 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Địa điểm thực hiện: Tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2, Thôn Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

2. Mục tiêu công việc:

Thuê đơn vị có năng lực cung cấp dịch vụ phun thuốc phòng chống dịch bệnh và diệt chuột tại Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân.

3. Phạm vi công việc:

Nhà thầu thực hiện dịch vụ phun thuốc phòng chống dịch bệnh và diệt chuột theo phạm vi cụ thể:

Stt	Nội dung chi phí	Đvt	Khối lượng
I	KHU VỰC NMNĐ VĨNH TÂN 2		
1	Phun thuốc phòng chống dịch bệnh (1 lần/Quý)	Lần	4
2	Diệt chuột (1 lần/Quý)	Lần	4
II	KHU VỰC NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI VĨNH TÂN 2		
1	Phun thuốc phòng chống dịch bệnh (1 lần/Quý)	Lần	4
2	Diệt chuột (các tháng 2, 4, 6, 8, 11)	Lần	5

Ghi chú: Giá nhà thầu chào phải đầy đủ toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (trọn gói tiền công, chi phí lưu trú; thiết bị máy móc và các chi phí khác...).

3.1. Khu vực thực hiện phun thuốc phòng chống dịch bệnh và diệt chuột cho mỗi lần xử lý cụ thể như sau:

❖ KHU VỰC NMNĐ VĨNH TÂN 2

- Phun thuốc phòng chống dịch bệnh

STT	Khu vực xử lý	Diện tích xử lý dự kiến năm 2026 (m²)	Số lần xử lý trong năm
1	Khu vực tòa nhà Hành chính	913	4
2	Khu vực Căn tin	414	4
3	Khu vực nhà ở nhân viên	1.549	4
4	Khu vực kho vật tư	1.950	4
5	Khu vực Turbine tổ máy 01, 02 (tầng trệt)	2.851	4
6	Khu nhà điều hành Boiler 01, 02 (cụ thể khu vực hành lang, Toilet của tầng trệt)	105	4
7	Tháp chuyển tiếp T1	120	4
8	Tháp chuyển tiếp T2	272	4
9	Tháp chuyển tiếp T3	138	4
10	Tháp chuyển tiếp T4	111	4
11	Tháp chuyển tiếp T5	288	4
12	Tháp chuyển tiếp T6	168	4
13	Nhà nghiền thô	271	4
14	Khu vực bơm sục khí hệ thống FGD	644	4
15	Tầng trệt nhà điều hành PXNL	511	4
16	Tầng trệt khu vực xử lý nước khử khoáng	1.449	4
17	Khu vực gara, bảo trì xe cơ giới	504	4
18	Khu vực máy nghiền than tổ 1 (6 máy nghiền)	1.148	4
19	Khu vực máy nghiền than tổ 2 (6 máy nghiền)	1.148	4

- Thực hiện đặt bẫy, diệt chuột

STT	Khu vực xử lý	Chu vi xử lý dự kiến năm 2026 (m)	Số lần xử lý trong năm
1	Khu vực tòa nhà Hành chính	196,5	4
2	Khu vực Căn tin	81,6	4
3	Khu vực nhà ở nhân viên	212,6	4
4	Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời	74,2	4
5	Xung quanh khu vực phân xưởng sửa chữa Vĩnh Tân	192	4
6	Khu vực kho chứa vật tư, thiết bị Ứng phó sự cố tràn dầu Cảng than.	30,9	4
7	Khu vực hầm chứa cáp dây điện tòa nhà điều khiển trung tâm cos 3,9m và 10,7m	216,5	4
8	Khu vực nhà để xe cơ giới (gần văn phòng phân xưởng sửa chữa Công ty EPS)	25,3	4
9	Khu vực phòng điện 6,6kV cung cấp điện khu vực Cảng than (nằm trong khuôn viên văn phòng phân xưởng sửa chữa Công ty EPS)	57	4
10	Khu vực phòng điện nhà khí nén – Hệ thống xuất tro bay bằng đường biển	44,2	4
11	Khu vực kho vật tư	178	4
12	Khu vực gara, bảo trì xe cơ giới	108	4
13	Khu vực kho vật tư ngoài trời có mái che	232	4
14	Khu vực nhà điều khiển FGD	91,8	4
15	Khu vực cos 0 Turbine tổ máy số 01, số 02	412,2	4
16	Khu vực trạm trung chuyển qua trạm 220 kV phía trước và cos 0 khu vực Turbine tổ máy số 01, số 02	925,4	4
17	Nhà điều khiển ESP	77	4
18	Nhà điều khiển khu vực bãi xỉ	43,6	4
19	Kho vật tư tại bãi xỉ	94,1	4

STT	Khu vực xử lý	Chu vi xử lý dự kiến năm 2026 (m)	Số lần xử lý trong năm
20	Bao quanh cánh đồng pin Điện mặt trời kênh nước tuần hoàn	552,2	4
21	Phòng PLC của Tháp chuyển tiếp T2	30	4
22	Phòng điện của Tháp chuyển tiếp T3	27	4
23	Phòng điện của nhà chứa dầu 5000 m ³	32	4

❖ **KHU VỰC NMĐMT VĨNH TÂN 2**

- **Phun thuốc phòng chống dịch bệnh**

STT	Khu vực xử lý	Diện tích xử lý dự kiến năm 2026 (m ²)	Số lần xử lý trong năm
1	Khu nhà điều hành	288	4

- **Thực hiện đặt bẫy, diệt chuột**

STT	Khu vực xử lý	Diện tích xử lý dự kiến năm 2026 (m ²)	Số lần xử lý trong năm
1	Khu nhà điều hành	72	5
2	Bao quanh cánh đồng pin	2.940	5
3	Các trạm hợp bộ	224	5
4	Trạm biến áp 110kV	240	5

3.2. Hóa chất và khối lượng sử dụng do Công ty đề xuất cụ thể như sau:

❖ KHU VỰC NMNĐ VĨNH TÂN 2

- Phun thuốc phòng chống dịch bệnh

Stt	Khu vực xử lý	Diện tích xử lý (m²)	Loại thuốc xử lý	Tỷ lệ pha chế	Lượng thuốc sử dụng/1 lần (Đvt: lít)	Số lần thực hiện	Tổng lượng thuốc sử dụng
1	Khu vực tòa nhà Hành chính	913	Aqua Resigen 10EW & Maxxthor	Định mức chung 1,5 lít/1.000 m ²	1,40	4	5,6
2	Khu vực Căn tin	414	Perme UK 50EC		0,60	4	2,4
3	Khu vực nhà ở nhân viên	1.549	Aqua Resigen 10EW		2,30	4	9,2
4	Khu vực kho vật tư	1.950	Perme UK 50EC		2,90	4	11,6
5	Khu vực Turbine tổ máy 01, 02 (tầng trệt)	2.851	Perme UK 50EC và Icon 10cs		4,30	4	17,2
6	Khu nhà điều hành Boiller 01, 02 (cụ thể khu vực hành lang, Toilet của tầng trệt)	105	Aqua Resigen 10EW		0,20	4	0,8
7	Tháp chuyển tiếp T1	120	Perme UK 50EC		0,20	4	0,8
8	Tháp chuyển tiếp T2	272	Perme UK 50EC		0,40	4	1,6
9	Tháp chuyển tiếp T3	138	Perme UK 50EC		0,20	4	0,8
10	Tháp chuyển tiếp T4	111	Perme UK 50EC		0,20	4	0,8

Stt	Khu vực xử lý	Diện tích xử lý (m ²)	Loại thuốc xử lý	Tỷ lệ pha chế	Lượng thuốc sử dụng/ 1 lần (Đvt: lít)	Số lần thực hiện	Tổng lượng thuốc sử dụng
11	Tháp chuyển tiếp T5	288	Perme UK 50EC		0,40	4	1,6
12	Tháp chuyển tiếp T6	168	Perme UK 50EC		0,30	4	1,2
13	Nhà nghiên thô	271	Perme UK 50EC		0,40	4	1,6
14	Khu vực bơm sục khí hệ thống FGD	644	Perme UK 50EC		1,00	4	4,0
15	Tầng trật nhà điều hành PXNL	511	Perme UK 50EC		0,80	4	3,2
16	Tầng trật khu vực xử lý nước khử khoáng	1.449	Perme UK 50EC		2,20	4	8,8
17	Khu vực gara, bảo trì xe cơ giới	504	Perme UK 50EC		0,80	4	3,2
18	Khu vực máy nghiền than tổ 1 (6 máy nghiền)	1.148	Perme UK 50EC		1,70	4	6,8
19	Khu vực máy nghiền than tổ 2 (6 máy nghiền)	1.148	Perme UK 50EC		1,70	4	6,8

- Diệt chuột

Stt	Khu vực xử lý	Chu vi xử lý (m)	Số lượng thuốc Storm (Đvt: kg) (Định mức 0,008 kg/2 mét dài/1 lần)	Số lượng bẫy keo đặt bên trong (Định mức 6m/ bẫy/1 lần)	Số lượng ống hộp bẫy đựng storm bên ngoài (Định mức 15m/ bẫy)	Số lần thực hiện
1	Khu vực tòa nhà Hành chính	196,5	0,8	33	13	4
2	Khu vực Căn tin	81,6	0,3	5	5	4
3	Khu vực nhà ở nhân viên	212,6	0,85	35	14	4
4	Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời	74,2	0,6		5	4
5	Xung quanh khu vực phân xưởng sửa chữa Vĩnh Tân	192	0,768		13	4
6	Khu vực kho chứa vật tư, thiết bị Ứng phó sự cố tràn dầu Cảng than.	30,9	0,12	5	2	4
7	Khu vực hầm chứa cáp dây điện tòa nhà điều khiển trung tâm cos 3,9m và 10,7m	216,5	0,866	36	14	4
8	Khu vực nhà để xe cơ giới (gần văn phòng phân xưởng sửa chữa Công ty EPS)	25,3	0,1		3	4
9	Khu vực phòng điện 6,6kV cung cấp điện khu vực Cảng than (nằm trong khuôn viên văn phòng phân xưởng sửa chữa Công ty EPS)	57	0,228	9	4	4

Stt	Khu vực xử lý	Chu vi xử lý (m)	Số lượng thuốc Storm (Đvt: kg) (Định mức 0,008 kg/2 mét dài/1 lần)	Số lượng bẫy keo đặt bên trong (Định mức 6m/ bẫy/1 lần)	Số lượng ống hộp bẫy đựng storm bên ngoài (Định mức 15m/ bẫy)	Số lần thực hiện
10	Khu vực phòng điện nhà khí nén – Hệ thống xuất tro bay bằng đường biển	44,2	0,18		3	4
11	Khu vực kho vật tư	178	0,712	30	12	4
12	Khu vực gara, bảo trì xe cơ giới	108	0,432	18	7	4
13	Khu vực kho vật tư ngoài trời có mái che	232	0,928	39	15	4
14	Khu vực nhà điều khiển FGD	91,8	0,367	15	6	4
15	Khu vực cos 0 Turbine tổ máy số 01, số 02	412,2	1,65	69	27	4
16	Khu vực trạm trung chuyển qua trạm 220 kV phía trước và cos 0 khu vực Turbine tổ máy số 01, số 02	925,4	3,7		61	4
17	Nhà điều khiển ESP	77	0,308		5	4
18	Nhà điều khiển khu vực bãi xỉ	43,6	0,2		3	4
19	Kho vật tư tại bãi xỉ	94,1	0,38	16	6	4
20	Bao quanh cánh đồng pin Điện mặt trời kênh nước tuần hoàn	552,2	2,208		37	4
21	Phòng PLC của Tháp chuyển tiếp T2	30	0,12	6	2	4
22	Phòng điện của Tháp chuyển tiếp T3	27	0,108	5	2	4
23	Phòng điện của nhà chứa dầu 5000 m ³	32	0,128	5	2	4

❖ KHU VỰC NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI VINH TÂN 2

- Phun thuốc phòng chống dịch bệnh

Stt	Khu vực xử lý	Diện tích xử lý (m2)	Loại thuốc xử lý	Tỷ lệ pha chế (Theo hướng dẫn nhà sản xuất, tùy vào đối tượng xử lý)	Lượng thuốc sử dụng/1 lần (Đvt: lít)	Số lần thực hiện
1	Khu nhà điều hành	288	Aqua Resigen 10EW & Maxxthor	Định mức chung 1,5 lít/1.000 m ²	0,4	4

- Diệt chuột

Stt	Khu vực xử lý	Chu vi xử lý (m)	Số lượng thuốc Storm (Đvt: kg) (Định mức 0,008 kg/2 mét dài/1 lần)	Số lượng bẫy keo đặt bên trong (Định mức 6m/ bẫy/1 lần)	Số lượng ống hộp bẫy đựng storm bên ngoài (Định mức 15m/ bẫy)	Số lần thực hiện
1	Khu nhà điều hành	72	-	12	-	5
2	Bao quanh cánh đồng pin	2.940	11,8		196	5
3	Các trạm hợp bộ	224	0,90	37,0	15	5
4	Trạm biến áp 110KV	240	1,0		16	5

Ghi chú:

- Nhà thầu phải bố trí nhân lực có chuyên môn phù hợp, được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động. Nhà thầu phải chịu mọi trách nhiệm đối với vấn đề an toàn cho nhân sự và trang thiết bị, phương tiện của mình khi thực hiện công việc.
- Giá nhà thầu chào phải đầy đủ toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (trọn gói tiền công, chi phí ăn ở của nhân viên; chi phí vận chuyển thiết bị; ...)

4. Thời gian và tiến độ thực hiện công việc

- Thời gian thực hiện công việc: Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Tần suất thực hiện tại các khu vực như sau:

+ Khu vực NMNĐ Vĩnh Tân 2: Thực hiện phun thuốc phòng chống dịch bệnh và diệt chuột: 1 lần/Quý.

+ Khu vực Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2: Thực hiện phun thuốc phòng chống dịch bệnh 1 lần/Quý và thực hiện diệt chuột 5 lần/năm (các tháng 2, 4, 6, 8, 11).

5. Năng lực thực hiện

Nhà thầu cung cấp giấy chứng nhận hoặc tài liệu chứng minh có tên trong danh sách công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm do Sở y tế cấp (Cung cấp bản scan màu từ bản gốc, giấy chứng nhận còn hiệu lực)

6. Giải pháp và phương pháp luận

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V đảm bảo các nội dung như sau:

- Giải pháp phòng cháy nổ, chữa cháy;

- Có báo cáo, đánh giá rủi ro và đưa ra các biện pháp kiểm soát đảm bảo an toàn, môi trường trong quá trình thực hiện công việc;

- Biện pháp kiểm soát và tiêu diệt ruồi, muỗi, kiến, gián, nhện, chuột cụ thể đối với từng vị trí khác nhau;

- Quá trình thực hiện công việc bao gồm cả việc thu dọn xác chuột đưa đi xử lý, làm vệ sinh khử mùi, khử trùng và diệt khuẩn;

- Nhà thầu phải nêu rõ khối lượng thuốc để phun phòng chống dịch bệnh, khối lượng bẫy, bả... sử dụng để diệt chuột tương ứng với mỗi diện tích của mỗi khu vực khác nhau;

- Các phương tiện, vật dụng, chế phẩm được sử dụng phải đảm bảo an toàn, không gây hại đến sức khỏe con người và môi trường xung quanh. Đặc biệt, đối với các hóa chất sử dụng cho phun thuốc phòng chống dịch bệnh và diệt chuột, nhà thầu tham khảo, sử dụng các hóa chất và khối lượng do Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân đề xuất. Nếu trường hợp sử dụng các hóa chất khác thì các hóa chất này phải nằm trong danh mục hóa chất được Bộ Y tế cho phép sử dụng hoặc có giấy chứng nhận lưu hành còn hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026 và chứng minh hiệu quả tốt hơn so với hóa chất Công ty đề xuất.

7. Quy trình về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

Trong vòng 15 ngày lịch kể từ ngày Bên B hoàn thành công việc theo yêu cầu mỗi đợt, các Bên ký hồ sơ nghiệm thu làm cơ sở thực hiện thủ tục thanh toán theo quy định.